

Số: 20/2026/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 13 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 178/2026/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Trần Quang L, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn K, xã V, tỉnh Phú Thọ, Căn cước công dân số: 026084007738 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/9/2022 và chị Lương Thị Huyền T, sinh năm 1986, địa chỉ: Số nhà N Khu đô thị N, phường V, tỉnh Phú Thọ, Căn cước công dân số: 001186044681 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/10/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản thuận tình ly hôn, thoả thuận việc nuôi con khi ly hôn ngày 03 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 03 tháng 4 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quang L và chị Lương Thị Huyền T.

- Về con chung: Anh chị thống nhất thỏa thuận để chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu Trần Nguyên B, sinh ngày 01/5/2011 và cháu Trần Nguyên T1, sinh ngày 30/01/2013. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L và chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh L và chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Thống nhất thỏa thuận chị Lương Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002702 ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện KSND khu vực 9 – Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.
- UBND xã Vĩnh Phú, tỉnh Phú Thọ (ĐKKH tại UBND xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc cũ ngày 27/8/2010);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Đỗ Minh Ái